

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:13/2020/HSST
Ngày 29 – 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST- HS ngày 27 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Văn Đ**, sinh ngày 07/6/2000, tại TS, P; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm Nhang Quê, xã K, huyện TS, tỉnh P; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Hoàng Trọng Th, sinh năm 1968 và bà Đặng Thị Ch, sinh năm 1973; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020, đến ngày 11/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

2. **Nguyễn Đức C**, sinh ngày 29/12/1996, TT, P; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 1, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020, đến ngày 11/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

3. **Hà Phương N**, sinh ngày 03/9/1999, tại TT, P; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu Phố, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Hà Văn T3, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị Kim O, sinh năm 1962; Vợ: Lê Thị Mỹ L1 – sinh năm 1999; Con: Có 01 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020, đến ngày 11/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

4. **Trần Mạnh T**, sinh ngày 17/01/1996; Tại TT, P; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu Phố, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Trần Phương Th1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1968; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020, đến ngày 11/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

5. **Nguyễn Xuân H**, sinh ngày 23/6/1999, tại TT, P; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu 6, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tạm giữ từ ngày 03/01/2020, đến ngày 11/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Anh T1 – sinh năm 2002;

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn TT, huyện TT, P. (Vắng mặt)

+ Ông Trương Đình V – sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn TT, huyện TT, P, (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/01/2020, Nguyễn Xuân H, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Đức C, Trần Mạnh T và Nguyễn Anh T1 đến quán Bi-a của anh Trương Đình V – sinh năm 1975, ở khu 6, thị trấn TT, huyện TT để chơi Bi-a. Khi đến nơi, nhóm của Đ hỏi thuê phòng để chơi Bi-a thì anh V đồng ý. Sau khi vào phòng bi-a và chơi được khoảng 5 phút, Đ nhìn thấy có bộ bài T1 lơ khơ 36 quân bài để sẵn trên bàn Bi-a nên rủ cả nhóm đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây ăn tiền thì H, C, T1 đồng ý. C cầm bộ bài T1 lơ khơ trên bàn Bi-a xuống nền phòng để cả nhóm đánh bạc. Các đối tượng ngồi thành vòng tròn ở góc phải căn phòng Bi-a, còn Trần Mạnh T do không tham gia đánh bạc nên chỉ ngồi xem. Hình thức đánh bạc được các đối tượng thỏa thuận như sau: Người chia bài (hay còn gọi là người cầm chương) dùng bộ bài T1 lơ khơ gồm 36 quân (từ quân A đến quân 9) chia đều cho mỗi người chơi 03 quân bài, lần lượt theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Sau khi nhận bài, người chơi sẽ tính tổng số điểm trên 03 quân bài vừa nhận được rồi so sánh với tổng điểm trên 03 quân bài của người cầm chương, nếu ai có tổng điểm 03 quân bài cao hơn người cầm chương thì sẽ nhận được số tiền 50.000đ từ người cầm chương, và ngược lại, nếu ai có tổng điểm 03 quân bài thấp

hơn người cầm chương thì sẽ phải trả cho người cầm chương số tiền 50.000đ. Tổng điểm 03 quân bài được tính theo nguyên tắc quân A là 01 điểm, điểm của các quân còn lại là số ghi trên quân bài. Nếu ai có tổng số điểm 03 quân bài lớn hơn 10 điểm thì điểm của người đó được tính là chữ số hàng đơn vị của tổng điểm (ví dụ tổng điểm 3 quân bài là 16 điểm thì điểm của người chơi đó là 6 điểm). Nếu ai có tổng điểm 03 quân bài là 20 điểm thì được tính là 10 điểm. Nếu hai người chơi có cùng số điểm thì so sánh chất của các quân bài theo thứ tự Rô - Cơ - Tép - Bích để xác định thắng thua. Nếu các chất giống nhau thì tiếp tục xét đến giá trị quân bài theo thứ tự từ cao xuống thấp, cao nhất là quân A, thấp nhất là quân 2. Trong một ván bài, nếu người chơi nào có tổng điểm của 03 quân bài là 10 điểm và thắng người cầm chương thì người đó sẽ làm người cầm chương trong ván bài tiếp theo. Khi tham gia đánh bạc, H, C và T1 sử dụng số tiền đánh bạc lần lượt là 1.250.000đ, 850.000đ và 300.000đ. Đ mang theo trong người số tiền 1.740.000đ, nhưng khi lấy ra, thấy 40.000đ không đủ đặt cược 1 ván nên Đ đã cất 40.000đ vào trong người và chỉ để lại 1.700.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc được một lúc thì T1 có việc nên ra về trước và mang theo số tiền 300.000 đã dùng để đánh bạc trước đó. Lúc này, Trần Mạnh T đang ngồi xem các đối tượng đánh bạc, do sẵn có 1.300.000đ trong người nên T ngồi xuống thay vào vị trí của T1 và tham gia đánh bạc. Khoảng 10 phút sau thì có Hà Phương N đến và tham gia đánh bạc cùng các đối tượng. Khi tham gia đánh bạc, N có 1.700.000đ. Các đối tượng đánh bạc đến 10 giờ 45 phút cùng ngày thì Công an huyện TT phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Căn cứ hành vi phạm tội của các đối tượng, ngày 11/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TT đã Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Xuân H, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Đức C, Trần Mạnh T và Hà Phương N về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng số: 21/CT-VKSTT ngày 27/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P đã truy tố các bị cáo: Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Hà Phương Nam, Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Đức C về tội: "Đánh bạc" quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo: Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Hà Phương Nam, Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Đức C về tội: "Đánh bạc".

- Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ và bị cáo Nam. Xử phạt các bị cáo:

Hoàng Văn Đ, Hà Phương Nam, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Căn cứ Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tuấn, bị cáo H và bị cáo Chí.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hòa.

Xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Xuân H, mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, đồng thời khấu trừ thời gian tạm giữ cho các bị cáo là 08 ngày, quy đổi bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ; Nguyễn Đức C từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, đồng thời khấu trừ thời gian tạm giữ cho các bị cáo là 08 ngày, quy đổi bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ;

Về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo Nam, Đ, T và C, mỗi bị cáo 10.000.000đ, sung ngân sách nhà nước; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Hòa.

Đề nghị căn cứ các quy định của pháp luật về xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt. Xét thấy người liên quan đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Hà Phương Nam, Trần Mạnh T và Nguyễn Đức C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT đã truy tố, không oan sai. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu được và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 03/01/2020, tại quán bi-a của anh Trương Đình V – sinh năm 1975, ở khu 6, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P, các bị cáo Nguyễn Xuân H, Hoàng Văn Đ, Hà Phương Nam, Trần Mạnh T và Nguyễn Đức C đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh ba cây ăn tiền với tổng số tiền sử dụng đánh bạc được thu tại nền phòng nơi các bị cáo đánh bạc là 6.800.000đ. Do đó xác định tổng số tiền các bị cáo Đ, Nam, Tuấn, H và C sử dụng đánh bạc là 6.800.000đ. (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt đến 03 năm tù.

Về số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc được xác định như sau: Khi tham gia đánh bạc, Hoàng Văn Đ sử dụng số tiền 1.700.000đ, Nguyễn Xuân H sử dụng số tiền 1.250.000đ, Nguyễn Đức C sử dụng số tiền 850.000đ và Nguyễn Anh T1 sử dụng số tiền 300.000đ (Khi ra về, T1 đã cầm theo số tiền trên và sau đó đã giao nộp lại cho Cơ quan Công an), Trần Mạnh T sử dụng số tiền 1.300.000đ, Hà Phương N sử dụng số tiền 1.700.000đ vào mục đích đánh bạc. Vì vậy tổng số tiền Đ, C, H, T1 sử dụng đánh

bạc là 4.100.000đ.(Bốn triệu một trăm nghìn đồng). Tổng số tiền các bị cáo Đ, Nam, H, T và C sử dụng đánh bạc là 6.800.000đ, (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Như vậy tổng số tiền các bị cáo Đ, Nam, H, Tuấn, C và người liên quan là Nguyễn Anh T1 sử dụng số tiền 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn đồng).

Đối với Nguyễn Anh T1 – sinh năm 2002, ở khu 1, thị trấn TT, huyện TT, là đối tượng đã từng bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” vào ngày 06/9/2018. T1 đã thi hành xong quyết định xử phạt này vào ngày 17/9/2018 nên theo quy định pháp luật, đến ngày 03/01/2020, khi T1 thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi ba cây ăn tiền với Hoàng Văn Đ, Nguyễn Đức C và Nguyễn Xuân H thì T1 đã được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đối với quyết định xử phạt trên. Đồng thời, tổng số tiền T1 cùng Đ, C và H sử dụng vào mục đích đánh bạc là 4.100.000đ, chưa đến mức xử lý về hình sự, nên Công an huyện TT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Anh T1 theo quy định tại Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh trong đời sống xã hội hiện nay, cũng như làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của các gia đình bị cáo và nhiều gia đình khác. Trên địa bàn huyện TT hiện nay các hình thức đánh bạc đang có chiều hướng gia tăng, diễn ra ở nhiều nơi, mặc dù nhiều vụ án đánh bạc đã được đưa ra xét xử nhằm tuyên truyền, giáo dục pháp luật, hình thức đánh bạc của các bị cáo ngày càng tinh vi, diễn ra ở nhiều nơi đã gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm với vai trò giản đơn. Tuy nhiên các bị cáo đều là những thanh niên trưởng thành, khỏe mạnh và có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được việc đánh bạc trái phép là vi phạm, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì không muốn lao động mà muốn được hưởng thụ từ hành vi trái pháp luật, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện, thể hiện tính coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm minh, hình phạt tương xứng đối hành vi của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Đ là người khởi xướng nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác, bị cáo N số tiền sử dụng đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo Tuấn, H, C và sau bị cáo Đ, sau đó lần lượt đến bị cáo Tuấn, Hòa. Bị cáo C có số tiền sử dụng ít nhất nên chịu hình phạt thấp hơn các bị cáo khác. Do đó cần xử phạt bị cáo Đ và N hình phạt tù, cho hưởng án treo, xử phạt các bị cáo Tuấn, H và C hình phạt cải tạo không giam giữ mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và

“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương, các bị cáo đều lao động tự do, mặc dù có thu nhập nhưng không ổn định nên Hội đồng xét xử xét miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Tuấn, H và C, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Do bị cáo C, bị cáo T không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo C và bị cáo T phải thực hiện lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 02 giờ trong một ngày và 05 ngày trong một tuần là phù hợp quy định tại khoản 4 điều 36 của bộ luật hình sự. Bị cáo H bị bệnh “Tăng máu bẩm sinh”, nên không buộc bị cáo phải lao động công ích thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù qua xác minh của cơ quan Điều tra thể hiện các bị cáo không có tài sản riêng, Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận có công ăn việc làm ổn định và có thu nhập từ lương hàng tháng, bị cáo N và bị cáo T làm thợ xây, có thu nhập, các bị cáo đều là những thanh niên trẻ tuổi, có sức khỏe, do đó cần phạt bổ sung các bị cáo Đ, N và T một khoản tiền nhất định sung ngân sách nhà nước, để các bị cáo tập trung lao động tạo ra của cải vật chất, có ích cho gia đình và xã hội, là phù hợp quy định của pháp luật. Đối với bị cáo H có thu nhập là lương hàng tháng, nhưng bị cáo bị bệnh “Tăng máu bẩm sinh”, cần phải thường xuyên đi điều trị ở bệnh viện, bị cáo C không có thu nhập ổn định, do đó cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo H và bị cáo C, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Đối với số tiền 530.000đ (Năm trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ của Hà Phương Nam, qua điều tra và lời khai của bị cáo Đ và N tại phiên tòa xác định: Số tiền trên là do bị cáo Đ nhờ bị cáo N trả nợ cho anh Đỗ Hải Hoàng – sinh năm 1997, ở khu 7, thị trấn TT, huyện TT, được bị cáo N cất giữ trong người để trả nợ hộ Đ và không có mục đích sử dụng đánh bạc.

Đối với ông Trương Đình Vinh, là chủ quán Bi-a nơi các đối tượng thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh ba cây ăn tiền. Tuy nhiên, ông V chỉ cho các đối tượng vào quán để đánh Bi-a mà không biết các đối tượng đánh bạc tại nơi mình sở hữu và quản lý. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý đối với ông V trong vụ án là phù hợp.

Quá trình điều tra xác định những tài sản hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu, gồm: Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động Iphone 6S màu vàng, không lắp sim, 01

điện thoại Nokia 1202 màu xanh đen, lắp sim số 0838.800.088 và số tiền 530.000đ; trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng, lắp sim số 0917.405.814; Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động Xiaomi A2 màu đen, lắp sim số 0964.506.154; Trả lại cho bị cáo C 01 điện thoại di động OPPO A5S màu đen lắp sim số 0355.634.956; Trả lại cho bị cáo Đ số tiền 40.000đ. (Bốn mươi nghìn đồng) là phù hợp quy định của pháp luật, nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về vật chứng vụ án:

Đối với: 36 quân bài T1 lơ khơ (từ quân A đến quân 9) của ông Trương Đình Vinh, do ông V không yêu cầu được lấy lại, do đó cần tịch thu tiêu hủy vì không có giá trị sử dụng;

Đối với số tiền do các bị cáo và đối tượng Nguyễn Anh T1 sử dụng đánh bạc là 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn đồng) cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1, 2, 3 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Đ và bị cáo Hà Phương Nam;

Căn cứ Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1, 2, 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Mạnh Tuấn;

Căn cứ Khoản 1, Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1, 2 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân Hòa;

Căn cứ Khoản 1, Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1, 2, 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức Chí;

Tuyên bố các bị cáo: Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Hà Phương Nam, Trần Mạnh T và Nguyễn Đức C phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo: Hoàng Văn Đ 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện TS, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Hà Phương N 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo là bị cáo Đ và bị cáo N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo: Trần Mạnh T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 08 (Tám) ngày tạm giữ (Từ ngày 03/01/2020 đến ngày 11/01/2020). Quy đổi bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Xuân H 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 08 (Tám) ngày tạm giữ (Từ ngày 03/01/2020 đến ngày 11/01/2020). Quy đổi bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đức C 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 08 (Tám) ngày tạm giữ (Từ ngày 03/01/2020 đến ngày 11/01/2020). Quy đổi bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức C và Trần Mạnh T phải thực hiện lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 02 giờ trong một ngày và 05 ngày trong một tuần.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Hoàng Văn Đ phải nộp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Bị cáo Hà Phương N phải nộp 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Bị cáo Trần Mạnh T phải nộp 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo Nguyễn Xuân H và Nguyễn Đức Chí.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Xuân H, Trần Mạnh T và Nguyễn Đức Chí.

Về vật chứng vụ án:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 36 quân bài T1 lơ khơ (từ quân A đến quân 9) của ông Trương Đình Vinh;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn đồng) của các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Hà Phương Nam, Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Đức C và người liên quan Nguyễn Anh Tú.

Các vật chứng trên được tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2020, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TT, tỉnh P.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Xuân H, Hà Phương Nam, Trần Mạnh T và Nguyễn Đức C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ ngày nhận được Bản án, hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, VKSND tỉnh
- CA huyện
- THAHS huyện
- Sở Tư pháp
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã K;
- UBND thị trấn TT;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng